

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2021

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Tiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1- Ông Trần Văn Nhị.  
2- Ông Nguyễn Hồng Phong.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh L.(có mặt)

*Bị đơn:* Ông Phạm Thanh Tòng, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh L. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04-3-2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:* Sau thời gian tìm hiểu đến năm 2000 thì bà H và ông T tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh L theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66/2003 ngày 10-11-2003. Sau khi cưới bà H về sống chung bên ông T, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông T không lo cho gia đình về vấn đề tiền bạc, kinh tế, bà H phải gánh vác và lo cho con cái ăn học. Bà H kêu ông T đưa sổ hộ khẩu cho bà đi xin việc nhưng ông T không đưa, nhiều lần bà nói chuyện khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi, vợ chồng không đồng thuận, không tin tưởng nhau. Từ tháng 5 năm 2020 bà H về nhà cha mẹ ruột sống đến nay đã 01 năm vợ chồng không đoàn tụ được. Do tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên bà H xin ly hôn với ông T. Bà H và ông T có 02 con chung tên Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 26-4-2001 và Phạm Thị Kim N, sinh ngày 03-6-2011. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên là Phạm Thị Kim N, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung của bà H và ông T có 10.000m<sup>2</sup> đất lúa và 01 căn nhà cấp 4 diện tích xây dựng khoảng 110m<sup>2</sup>, nợ chung khi làm nhà có mượn tiền của người em chồng và sau đó em chồng cho luôn nên không còn nợ. Khi ly hôn bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông T trình bày:* Ông T và bà H cưới nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân từ khi bà H đi làm công nhân tại Khu công nghiệp H thì bà H về nhà cha mẹ ruột ở và đi làm không về sống với ông T. Trong đơn khởi kiện của bà H trình bày ông T sa đà ăn chơi không lo cho gia đình là không đúng vì bản thân ông T bị bệnh hở van tim nên không làm công việc nặng nhọc và không kiếm ra tiền để lo cho gia đình. Ông T kêu bà H đi làm gần nhà nhưng bà H không chịu và trước đó bà H có lấy sổ hộ khẩu đi vay nên ông T không đưa hộ khẩu cho bà H đi xin việc. Ông T không đồng ý ly hôn với bà H vì còn thương vợ và mong muốn con cái có gia đình đầy đủ. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Thị Kim N, sinh ngày 03-6-2011, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, hiện tại con chung Phạm Thị Kim N đang sống với bà H. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng gồm có 10.000m<sup>2</sup> đất lúa và 01 căn nhà cấp 4 diện tích xây dựng khoảng 110m<sup>2</sup>, khi làm nhà có mượn của người em ruột số tiền là 170.000.000 đồng chưa trả. Ông T không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An: Quá trình thụ lý vụ án Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự phiên tòa sơ thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án thì hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp, sau thời gian chung sống đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn sau đó bà H về bên nhà mẹ ruột ở, ông T có đến động viên nhưng bà H không trở về. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng vợ chồng không đoàn tụ, từ đó cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì bà H xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Về nuôi con do con chung có nguyện vọng với mẹ nên giao bà H trực tiếp nuôi, bà H từ chối việc cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà H xin ly hôn với ông T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chưa thành niên, bị đơn là ông T không đồng ý, như vậy tranh chấp giữa bà H và ông T là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo lời trình bày của các đương sự và tài liệu đã thu thập thì quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T được xác lập vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66/2003 ngày 10-11-2003. Thời gian đầu sau khi cưới bà H và ông T chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng thay đổi không hợp nhau, ông T có tính hoài nghi không tin tưởng bà H nên trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm. Tháng 5 năm 2020 bà H về bên nhà cha mẹ ruột sống đến nay đã 01 năm, mặc dù đã được nhắc nhở động viên nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H ly hôn với ông T.

[3] Về con chung, bà H và ông T có 02 con chung tên Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 26-4-2001 nay đã trưởng thành, Phạm Thị Kim N, sinh ngày 03-6-2011 đang ở với bà H. khi ly hôn bà H và ông T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là Phạm Thị Kim N. Xét thấy việc nuôi con hai bên không thỏa thuận được, nguyện vọng của con chưa thành niên là muốn được ở với mẹ, do đó căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao bà H trực tiếp nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên do bà H từ chối việc ông T cấp dưỡng nuôi con vì vậy Tòa án không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông T vẫn có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với ông Phạm Thanh Tòng.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phạm Thanh Tòng.

Về nuôi con: Giao bà Lê Thị H trực tiếp nuôi 01 con chung chưa thành niên tên Phạm Thị Kim N, sinh ngày 03-6-2011. Ông Phạm Thanh Tòng không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007732 ngày 23-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

3- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Trần Quốc Tiến**